



**Phụ lục**  
**BÁO CÁO THÔNG KÊ VÀ GIẢI THÍCH BIỂU MẪU BÁO CÁO**  
**ÁP DỤNG ĐỐI VỚI BỘ TƯ PHÁP**

(Kèm theo Nghị định số 152/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Ký hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Thời điểm, thời kỳ số liệu	Ngày nhận báo cáo
1	004.N/BCB-TP	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc	Năm	Số liệu năm báo cáo (từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau)	Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp sau năm báo cáo
2	005.N/BCB-TP	Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền	Năm	Số liệu năm báo cáo (từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến ngày 30 tháng 9 năm sau)	Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp sau năm báo cáo

Biểu số 004.N/BCB-TP  
Ban hành theo Nghị định số  
/2026/NĐ-CP ngày / /2026  
Ngày nhận báo cáo:  
Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp  
sau năm báo cáo

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG VIỆC**  
Năm ...

Đơn vị báo cáo:  
Bộ Tư pháp  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Cục Thống kê, Bộ Tài chính

Đơn vị tính: Việc

Tên chỉ tiêu	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong (%)		
		Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:						Đang thi hành	Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển số theo dõi riêng)	Hoãn THA			Tạm đình chỉ THA	Trường hợp khác
			Tổng số giải quyết xong	Chia ra:											
				Thi hành xong	Đình chỉ THA	Trường hợp kết thúc khác									
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (3:2)x100		
Tổng số															
Chia ra:															
1. Quốc phòng															
2. THADS tỉnh, thành phố (Tổng số)															
(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)															
....															

Ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu  
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)

## **Biểu số 004.N/BCB-TP: Kết quả thi hành án dân sự tính bằng việc**

### **1. Khái niệm, phương pháp tính**

Kết quả thi hành án dân sự (THADS) tính bằng việc: phản ánh kết quả công việc của cơ quan THADS là thi hành các bản án, quyết định của Tòa án và cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật. Kết quả THADS là số việc đã thi hành xong trong kỳ báo cáo (kỳ báo cáo thống kê hàng năm bảo đảm thống nhất với số liệu và kỳ báo cáo của Chính phủ trước Quốc hội hàng năm).

- Tổng số việc phải thi hành là số việc thực tế phải tổ chức thi hành sau khi trừ số việc ủy thác thi hành án, số việc thu hồi, hủy quyết định thi hành án.

- Tổng số việc có điều kiện thi hành là số việc mà người phải thi hành án có tài sản, thu nhập để thi hành nghĩa vụ về tiền, tài sản; tự mình hoặc thông qua người khác thực hiện nghĩa vụ thi hành án; việc đang thi hành; việc thuộc trường hợp quy định tại Điều 55 của Luật Thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Tổng số việc giải quyết xong là việc thuộc trường hợp quy định tại Điều 55 của Luật Thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Việc thi hành xong là việc đã tổ chức thi hành xong các quyền, nghĩa vụ, hoặc những việc đã tổ chức thi hành xong một phần quyền, nghĩa vụ, phần còn lại đã ủy thác, đình chỉ và đã xoá sổ thụ lý thi hành án.

Những việc đã thu được tiền, tài sản, đã thông báo, nhưng người được thi hành án chưa đến nhận nên đã lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và cơ quan thi hành án dân sự đã gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

- Việc đình chỉ thi hành án là số việc đã ra quyết định đình chỉ toàn bộ việc thi hành án theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.

- Trường hợp kết thúc khác là việc quy định tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Việc đang thi hành là số việc đang trong quá trình tiến hành các thủ tục thi hành án theo quy định của pháp luật để tổ chức thực hiện các quyền, nghĩa vụ thi hành án theo nội dung quyết định của bản án, quyết định tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Việc chưa có điều kiện thi hành án (trừ số việc đã chuyển sổ theo dõi riêng) là số việc đã ra quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 38 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc hoãn thi hành án là số việc đã ra quyết định hoãn toàn bộ theo quy định tại Điều 46 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc tạm đình chỉ thi hành án là số việc đã được tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự.

- Việc trường hợp khác là số việc tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; việc do có tình trạng khẩn cấp, trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng mà Chấp hành viên không thể tổ chức thi hành án; việc đã có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thi hành theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 64/2026/NĐ-CP ngày 28/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản; việc từ sau lần giảm giá thứ hai trở đi mà tài sản đấu giá không thành quy định tại khoản 3 Điều 83 Luật Thi hành án dân sự; việc mà người phải thi hành án có tài sản nhưng tài sản không đủ điều kiện xử lý theo quy định của pháp luật; việc mà cơ quan thi hành án đã thông báo và ấn định thời hạn xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 39 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật THADS; việc cơ quan thi hành án dân sự đã ban hành kế hoạch cưỡng chế và đang trong thời gian chờ phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ của cơ quan có thẩm quyền.

- Việc chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện thi hành án đã chuyển sổ theo dõi riêng) là số việc đang trong quá trình tổ chức thi hành các quyền, nghĩa vụ theo nội dung quyết định thi hành án, bao gồm: việc đang thi hành; việc hoãn thi hành án; việc tạm đình chỉ thi hành án; việc trường hợp khác; việc chưa có điều kiện thi hành án tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê trừ số việc đã chuyển sổ theo dõi riêng.

- Tỷ lệ % thi hành xong trong số có điều kiện là tỷ lệ giữa tổng số việc đã giải quyết xong so với số có điều kiện thi hành án.

### **Công thức tính:**

$$\text{Tỷ lệ thi hành xong về việc (\%)} = \frac{\text{Tổng số giải quyết xong}}{\text{Tổng số có điều kiện thi hành}} \times 100\%$$

## **2. Cách ghi biểu**

- Cột 1: Ghi tổng số việc phải thi hành theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 2: Ghi tổng số việc có điều kiện thi hành theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 3: Ghi tổng số việc giải quyết xong theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 4: Ghi số việc thi hành xong theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 5: Ghi số việc đình chỉ thi hành án theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 6: Ghi số việc thuộc trường hợp kết thúc khác theo quy định theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 7: Ghi số việc đang thi hành theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 8: Ghi tổng số việc chưa có điều kiện thi hành (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng) theo từng dòng tương ứng với cột A.

- Cột 9: Ghi số việc hoãn thi hành án theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 10: Ghi số việc tạm đình chỉ thi hành án theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 11: Ghi số việc thuộc trường hợp khác theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 12: Ghi tổng số việc chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng) theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 13: Ghi tỷ lệ thi hành xong (%) theo từng dòng tương ứng với cột A.

### **3. Nguồn số liệu**

Chế độ báo cáo thống kê của Bộ Tư pháp.

Biểu số 005.N/BCB-TP  
Ban hành theo Nghị định số  
/2026/NĐ-CP ngày / /2026  
Ngày nhận báo cáo:  
Ngày 31 tháng 3 năm kế tiếp  
sau năm báo cáo

**KẾT QUẢ THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TÍNH BẰNG TIỀN**  
Năm ...

Đơn vị báo cáo:  
Bộ Tư pháp  
Đơn vị nhận báo cáo:  
Cục Thống kê, Bộ Tài chính

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Tên chỉ tiêu	Tổng số phải thi hành	Chia ra:										Số chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Tỷ lệ thi hành xong (%)	
		Tổng số có điều kiện thi hành	Chia ra:						Chưa có điều kiện THA (trừ số đã chuyển sổ theo dõi riêng)	Hoãn THA	Tạm đình chỉ THA			Trường hợp khác
			Tổng số giải quyết xong	Chia ra:			Đang thi hành							
				Thi hành xong	Đình chỉ THA	Trường hợp kết thúc khác								
(A)	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13) = (3:2)×100	
Tổng số														
Chia ra:														
1. Quốc phòng														
2. THADS tỉnh, thành phố (Tổng số)														
(Ghi theo Danh mục đơn vị hành chính Việt Nam)														
....														

Người lập biểu  
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu  
(Ký, họ tên)

Ngày ... tháng ... năm ...  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký, họ tên)

## **Biểu số 005.N/BCB-TP: Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền**

### **1. Giải thích từ ngữ**

Kết quả thi hành án dân sự tính bằng tiền: phản ánh kết quả thi hành án được xác định bằng tiền của Hệ thống thi hành án dân sự. Tiền bao gồm tiền Việt Nam đồng, ngoại tệ và giá trị của nghĩa vụ về tài sản được quy đổi thành tiền Việt Nam đồng theo quy định của pháp luật tại thời điểm phát sinh số liệu.

- Tổng số tiền phải thi hành là số tiền, giá trị tài sản tính bằng tiền phải tổ chức thi hành sau khi trừ số tiền ủy thác thi hành án và số tiền thuộc các trường hợp số tiền thu hồi, sửa, hủy quyết định thi hành án theo quy định của pháp luật.

- Tổng số tiền có điều kiện thi hành là tổng số tiền mà người phải thi hành án có tài sản, thu nhập hoặc điều kiện khác để thi hành nghĩa vụ về tiền, tài sản, bao gồm: số tiền thi hành xong; tiền đang thi hành; tiền thuộc trường hợp quy định tại Điều 55 của Luật Thi hành án dân sự và khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự (trừ trường hợp đã chuyển sổ theo dõi riêng).

- Tổng số tiền giải quyết xong là tổng số tiền đã thi hành xong, giá trị tiền được quy đổi từ xử lý tài sản theo quy định tại thời điểm thực hiện thống kê, tiền đình chỉ thi hành án và số tiền thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền thi hành xong là số tiền đã thu được và đã nộp ngân sách của Nhà nước, đã chi trả cho người được thi hành án theo nội dung quyết định thi hành án hoặc những khoản tiền, tài sản thu được, đã thông báo hợp lệ nhưng người được thi hành án chưa đến nhận, đã lập phiếu chi và gửi cho họ qua đường bưu điện hoặc chưa xác định được địa chỉ của người nhận và đã gửi tiền vào ngân hàng, lập sổ theo dõi riêng hoặc đã giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật và số tiền được quy đổi từ xử lý tài sản theo quy định.

- Tiền đình chỉ là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 48 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền thuộc trường hợp kết thúc khác quy định tại khoản 1 Điều 32 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền đang thi hành là số tiền đang trong quá trình tiến hành các thủ tục thi hành án theo quy định của pháp luật để tổ chức thu, chi, nộp ngân sách của Nhà nước theo nội dung quyết định thi hành án tại thời điểm khóa sổ báo cáo thống kê.

- Tiền chưa có điều kiện thi hành (trừ số tiền đã chuyển sổ theo dõi riêng) là số tiền được xác định theo quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án theo quy định tại Điều 38 Luật Thi hành án dân sự và các khoản tiền khác bao gồm:

Số tiền trong các vụ việc có tài sản, nhưng tài sản đã được đảm bảo cho việc thi hành một nghĩa vụ cụ thể khác theo bản án, quyết định của Tòa án hoặc quyết định của cơ quan có thẩm quyền mà giá trị tài sản tại thời điểm thi hành án chỉ bằng nghĩa vụ bảo đảm cộng chi phí cưỡng chế (nếu có);

Số tiền trong các vụ việc có tài sản nhưng tài sản đang bị cơ quan, người có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc biện pháp đặc biệt khác theo quy định của pháp luật để đảm bảo xét xử và chi trả cho nghĩa vụ khác mà không còn tài sản nào khác, không có thu nhập để tiếp tục thi hành án.

- Tiền hoãn thi hành án là số tiền cơ quan thi hành án dân sự đã ra quyết định hoãn theo quy định tại Điều 46 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền tạm đình chỉ thi hành án là số tiền đã được ra quyết định tạm đình chỉ thi hành án theo quy định tại Điều 47 Luật Thi hành án dân sự.

- Tiền trường hợp khác là số tiền tạm dừng thi hành án để giải quyết khiếu nại, tố cáo; tiền đang trong thời hạn tự nguyện thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự; tiền do có tình trạng khẩn cấp, trở ngại khách quan hoặc sự kiện bất khả kháng mà Chấp hành viên không thể tổ chức thi hành án; tiền đã có văn bản yêu cầu Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản tổ chức thi hành theo quy định tại Điều 5 của Nghị định số 64/2026/NĐ-CP ngày 28/02/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phục hồi, phá sản về thi hành quyết định tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản; tiền từ sau lần giảm giá thứ hai trở đi mà tài sản đấu giá không thành quy định tại khoản 3 Điều 83 của Luật Thi hành án dân sự; tiền trong các vụ việc mà người phải thi hành án có tài sản nhưng tài sản không đủ điều kiện xử lý theo quy định của pháp luật; khoản tiền trong việc mà cơ quan thi hành án đã thông báo và ấn định thời hạn xử lý vật chứng, tài sản tạm giữ nhưng cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện theo quy định tại Điều 37, Điều 39 của Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật THADS; tiền trong các vụ việc mà cơ quan thi hành án dân sự đã ban hành kế hoạch cưỡng chế và đang trong thời gian chờ phê duyệt kế hoạch, phương án bảo vệ của cơ quan có thẩm quyền.

- Tiền chuyển kỳ sau (trừ số tiền chưa có điều kiện thi hành án đã chuyển số theo dõi riêng) là số tiền đang trong quá trình tiến hành các biện pháp nghiệp vụ để tổ chức thu, chi, nộp ngân sách của Nhà nước theo nội dung quyết định thi hành án, bao gồm: tiền đang thi hành; tiền hoãn thi hành án; tiền tạm đình chỉ thi hành án; tiền trường hợp khác; tiền chưa có điều kiện thi hành án tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo thống kê, trừ số tiền đã chuyển số theo dõi riêng.

- Tỷ lệ % thi hành xong trong số có điều kiện là tỷ lệ giữa số tiền đã giải quyết xong so với số có điều kiện thi hành án.

### **Công thức tính**

$$\text{Tỷ lệ thi hành xong về tiền (\%)} = \frac{\text{Tổng số tiền giải quyết xong}}{\text{Số tiền có điều kiện thi hành}} \times 100\%$$

## **2. Cách ghi biểu**

- Cột 1: Ghi tổng số tiền phải thi hành theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 2: Ghi tổng số tiền có điều kiện thi hành theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 3: Ghi tổng số tiền giải quyết xong theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 4: Ghi số tiền thi hành xong theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 5: Ghi số tiền đình chỉ thi hành án theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 6: Ghi số tiền thuộc trường hợp kết thúc khác theo quy định theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 7: Ghi tổng số tiền đang tổ chức thi hành án theo quy định theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 8: Ghi tổng số tiền chưa có điều kiện thi hành (trừ số chưa có điều kiện thi hành đã chuyển số theo dõi riêng) theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 9: Ghi số tiền hoãn thi hành án theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 10: Ghi số tiền tạm đình chỉ thi hành án theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 11: Ghi số tiền trường hợp khác theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 12: Ghi tổng số tiền chuyển kỳ sau (trừ số chưa có điều kiện THA đã chuyển số theo dõi riêng) theo từng dòng tương ứng với cột A.
- Cột 13: Ghi tỷ lệ thi hành xong về tiền theo từng dòng tương ứng với cột A.

## **3. Nguồn số liệu**

Chế độ báo cáo thống kê của Bộ Tư pháp.